

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2022/HCPT

Ngày: 07/7/2022

V/v: Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân
Ông Võ Hồng Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Diệu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 83/2022/TLPT-HC ngày 23 tháng 3 năm 2022 do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5560/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Duy H; sinh năm 1953; địa chỉ: thôn Đ C, xã C M, thành phố P Y, tỉnh Vĩnh Phúc (ĐT: 0397.***.***). Có mặt

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P Y, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Phường T T, thành phố P Y, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tiến D; chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Trọng L; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P Y (Văn bản số 1381/VBUQ, ngày 06/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P Y). Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Thu P; chức vụ: Giám đốc Phòng đăng ký đất đai chi nhánh P Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2020; đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2020 và những lời khai tiếp theo của ông Nguyễn Duy H thể hiện:

Gia đình ông có 408m² đất, nguồn gốc do bố mẹ để lại từ thời Pháp thuộc tại thôn Đ C, xã C M. Tháng 4 năm 1983, Hợp tác xã (viết tắt HTX) Nông nghiệp Đ Q và Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã C M mở rộng đường giao thông liên thôn Đ C – C Q, nên đề nghị và được gia đình ông thống nhất cắt đổi hơn 50m² đất (trong diện tích 408m²) của ông để cho HTX Đ Q và UBND xã mở rộng đường giao thông. Theo thỏa thuận, HTX Đ Q và UBND xã C M trả cho ông 150m² đất ruộng, kích thước 6m x 25m, ở vị trí liền kề ao làng Đức Cung để làm nhà ở. Việc đổi đất, xét duyệt của HTX Đ Q ngày 07/4/1983 và UBND xã C M ngày 08/4/1983 có giấy tờ, trong đó ghi rõ mục đích ông xin sử dụng làm đất ở, tuy nhiên giấy tờ gốc này theo ông thì ông đã nộp cho UBND xã C M cùng hồ sơ xin cấp GCNQSD đất năm 2013 (hiện ông chỉ giữ bản photo). Sau khi đổi đất cho HTX và UBND xã năm 1983, diện tích thửa đất cũ còn lại thực đo của gia đình ông là 344m² và ông để cho con trai ông Nguyễn Duy C sử dụng. Năm 2002, anh C xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD) đất và đã được UBND huyện Mê Linh cấp GCNQSD đất với diện tích 300m² đất ở và 44m² đất vườn đứng tên Nguyễn Duy C.

Năm 2013, ông làm hồ sơ xin cấp GCNQSD đất ở đối với diện tích 150m² mà HTX và UBND xã C M đã đổi cho ông theo thỏa thuận năm 1983. Diện tích đo hiện trạng thực tế năm 2013 là 183,1m² đất. Tháng 01 năm 2018, Phòng Tài nguyên và môi trường (viết tắt TNMT) thị xã P Y có văn bản số 08/TNMT trả lời do năm 2002 huyện M L (cũ) đã cấp GCNQSD đất cho hộ con trai ông là Nguyễn Duy C 300m² đất ở và 44m² đất vườn. Như vậy, hộ của ông đã hết hạn mức đất ở. Đối với thửa đất diện tích 150m² mà ông đề nghị cấp giấy chứng nhận được xác định là đất trồng cây lâu năm. Tháng 4 năm 2018, UBND thành phố P Y có văn bản số 424 trả lời tương tự nội dung như văn bản của Phòng TNMT.

Ngày 04/4/2019, UBND thành phố P Y ban hành Quyết định số 638/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số CP 882671 thửa đất diện tích 183,1m² mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm. Ông đã nhận được Quyết định số 638 cùng ngày 04/4/2019, kể từ thời điểm nhận được Quyết định trên ông không có khiếu nại gì. Việc ông chưa làm đơn khởi kiện thời gian đó là vì ông đang làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở.

Sau khi chuyển đổi mục đích, ông được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp GCNQSD đất số CU 359316 ngày 17/12/2019 với 100m² đất ở và 83,1m² đất vườn, tuy nhiên ông phải nộp 5.400.000đ tiền sử dụng đất để chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ 100m² đất trồng cây lâu năm sang đất ở. Ông nhận thấy Quyết định số 638/QĐ-UBND của UBND thành phố P Y là trái pháp luật, đã gây thiệt hại về lợi ích hợp pháp của ông. Do vậy, ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Tuyên hủy Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND thành phố P Y về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cho ông và giải quyết hậu quả của việc tuyên hủy Quyết định 638/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND thành phố P Y như sau: hoàn trả cho ông 5.400.000đồng tiền sử dụng đất để chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ 100m² đất trồng cây lâu năm sang đất ở; hoàn trả và khôi phục lại tiêu chuẩn hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở theo quy định tại Quyết định 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 và Quyết định 118-TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố P Y là Ông Hoàng Trọng L trình bày:

Về nguồn gốc, hiện trạng thửa đất số 92, tờ bản đồ số 34 của ông Nguyễn Duy H: Năm 1983 ông H có đổi 50m² đất của gia đình đang sử dụng cho HTX Đ Q và UBND xã C M để làm đường giao thông (thửa đất của gia đình được xác định trên bản đồ 299 lập năm 1987 là thửa đất số 84, tờ bản đồ số 10; còn trên bản đồ địa chính lập năm 2004 được xác định thửa đất số 462, tờ bản đồ 26) lấy 150m² tại vị trí phía trước hồ Đình Làng, thôn Đ C, xã C M (được xác định thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 34). Phần đất của gia đình ông H còn lại (sau khi trừ đi 50m²) năm 2002 đã được UBND huyện Mê Linh (cũ) cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Duy C (là con trai ông H) theo Quyết định số 1134/QĐ-UB ngày 18/12/2002 với diện tích 344m² (gồm 300m² đất ở, 44m² đất vườn, không trừ diện tích đất ở đã đổi đất để làm đường).

Tại thời điểm năm 2002, các quy định pháp luật đất đai hiện hành chưa quy định việc xác định hạn mức đất ở. Do đó để giải quyết việc cấp GCNQSD đất trên địa bàn tỉnh, Sở địa chính tỉnh Vĩnh Phúc đã có văn bản số 53/CV-ĐC ngày 05/4/2001 trong đó có nội dung xác định hạn mức đất ở (theo đó hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã C M được xác định là 300m²). Như vậy, nếu năm 1983 gia đình ông H không thực hiện đổi 50m² đất tại thửa đất gia đình đang sử dụng thì đến năm 2002 khi cấp GCNQSD đất cho thửa đất này, gia đình ông cũng chỉ được cấp 300m² đất ở.

Về hiện trạng thửa đất: Tại thời điểm lập hồ sơ cấp GCNQSD đất cho thửa đất số 92, tờ bản đồ số 34 thì hiện trạng trên đất chưa có công trình xây dựng, có trồng cây ăn quả (theo biên bản kiểm tra của Văn phòng đăng ký đất

đai (ĐKĐĐ) chi nhánh P Y). Việc UBND thành phố cấp GCNQSD đất cho ông H với mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm là đúng quy định tại Điều 11 Luật đất đai 2013 (căn cứ xác định loại đất) và khoản 1 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Quan điểm của UBND thành phố P Y như sau: Việc UBND thành phố P Y cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Duy H tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 34, diện tích 183,1m² loại đất trồng cây lâu năm ở địa chỉ xã C M, thành phố P Y, Vĩnh Phúc là đúng thẩm quyền, đúng theo quy định.

Sau khi UBND thành phố P Y cấp GCNQSD đất cho ông H (ngày 04/4/2019) đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 34, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, ông H đã nhận được QĐ số 638/QĐ-UBND cùng ngày 04/4/2019, kể từ thời điểm nhận được Quyết định trên ông không có ý kiến gì. Ngày 21/7/2019, ông H có đơn gửi sở TN&MT với nội dung không đồng ý và đề nghị hủy GCNQSD đất do UBND thành phố P Y cấp, đồng thời đề nghị được cấp 183,1m² đất ở tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 34.

Ngày 21/8/2019, sở TN&MT có văn bản về việc phúc đáp đơn đề nghị của ông H với quan điểm: việc UBND thành phố P Y cấp GCNQSD đất số phát hành CP 822671, số vào sổ CH 01261 ngày 04/4/2019 đối với thửa đất tại vị trí đã đổi đất với HTX Đ Q diện tích 183,1m², loại đất trồng cây lâu năm là đúng quy định. Hiện nay thửa đất trên đã được UBND thành phố cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng 100m² sang đất ở và nộp tiền sử dụng đất bằng 100% mức chênh lệch giá đất ở với giá đất trồng cây lâu năm tại vị trí xin chuyển mục đích theo bảng giá đất quy định của UBND tỉnh Vĩnh Phúc (trên cơ sở đơn của gia đình ông Nguyễn Duy H và ông H được miễn giảm 90% tiền sử dụng đất vì là bệnh binh, tỷ lệ suy giảm sức khỏe 61%). Đến ngày 08/5/2020, ông H có đơn khởi kiện đến TAND tỉnh Vĩnh Phúc. Ủy ban nhân dân thành phố P Y thấy yêu cầu khởi kiện của ông H là không có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét thời hiệu khởi kiện và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc trình bày:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc đã thực hiện thủ tục hành chính đăng ký biến động đất đai và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Duy H theo điểm a, b khoản 3 Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013; điểm b khoản 2 Điều 17 Thông tư 23 quy định các trường hợp đăng ký biến động được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm: "...b. Chuyển mục đích sử dụng một phần đất được cơ quan có thẩm quyền cho phép..."; thành phần hồ sơ đầy đủ theo khoản 1 Điều 10 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. Do vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 34, diện tích 183,1m² (trong đó gồm 100m² đất ở

và 83,1m² đất trồng cây lâu năm) cho ông H là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quyết định: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy H đề nghị tuyên hủy Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND thành phố P Y v/v cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cho ông Nguyễn Duy H và bác đề nghị giải quyết hậu quả của việc tuyên hủy Quyết định 638/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND thành phố P Y về việc hoàn trả cho ông 5.400.000 đồng tiền để chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ 100m² đất trồng cây lâu năm sang đất ở cũng như bác yêu cầu hoàn trả và khôi phục lại tiêu chuẩn hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở theo quy định tại Quyết định 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 và Quyết định 118-TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ của ông Nguyễn Duy H.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 05/10/2021, Người khởi kiện có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông Đào Anh D; chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P Y tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện; yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm phải bồi thường chi phí đi lại cho ông vì giải quyết vụ án kéo dài.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của Người khởi kiện có đơn kháng cáo: Ông Nguyễn Duy H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

Về việc chấp hành pháp luật: Tại cấp phúc thẩm người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng đến trước khi nghị án.

Về nội dung:

- Thời hiệu khởi kiện vụ án đảm bảo theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- Xét tính hợp pháp, có căn cứ của Quyết định 638/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND thành phố P Y v/v cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cho ông Nguyễn Duy H, thấy: Về thẩm quyền ban hành quyết định đúng quy định tại

khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013; về trình tự, thủ tục ban hành đúng quy định tại Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; về nội dung quyết định: Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 34, diện tích 183,1m² của ông H có nguồn gốc từ việc năm 1983 đổi 50m² đất cũ của ông H cho UBND xã C M và Hợp tác xã Đức Cung. Thửa đất cũ của ông H đã được cấp đủ hạn mức đất ở là 300m² cho con trai ông H là anh Nguyễn Duy C. Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 34 từ trước đến nay chưa có công trình xây dựng, chỉ trồng cây ăn quả. Do đó, UBND thành phố Vĩnh Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H với mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm là đúng quy định tại Điều 11 Luật Đất đai 2013 và khoản 1 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP, ngày 06/01/2017 của Chính phủ, Điều 2 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Về yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên hủy Quyết định 638/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND thành phố P Y về việc hoàn trả cho ông 5.400.000đồng tiền để chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ 100m² đất trồng cây lâu năm sang đất ở cũng như bác yêu cầu hoàn trả và khôi phục lại tiêu chuẩn hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở theo quy định tại Quyết định 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 và Quyết định 118-TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ của ông Nguyễn Duy H. Thấy, như phân tích ở trên, Quyết định 638/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND thành phố P Y là đúng quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Duy H chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở thì phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông H.

- Về yêu cầu triệu tập ông Đào Anh D tham gia tố tụng với tư cách Người bị kiện: Ông Dũng ký Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND thành phố P Y là ký thay Chủ tịch, thay mặt UBND thành phố P Y. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định người bị kiện là UBND thành phố P Y là đúng quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Ông H yêu cầu đưa cá nhân ông Đào Anh D tham gia tố tụng với tư cách người bị kiện là không có căn cứ chấp nhận.

- Về yêu cầu buộc Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc bồi thường chi phí trong quá trình tham gia tố tụng vì vi phạm Luật Tố tụng hành chính, kéo dài thời hạn đưa vụ án ra xét xử là không thuộc phạm vi giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên, **đề nghị Hội đồng xét xử** căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Duy H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Duy H phù hợp với quy định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm

[2] Ông Nguyễn Duy H kháng cáo cho rằng phải đưa ông Đào Anh D là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P Y tham gia tố tụng với tư cách Người bị kiện vì ông Đào Anh D có hành vi ký Quyết định 638/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P Y. Hội đồng xét xử thấy: Ông Dũng ký Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND thành phố P Y là ký thay Chủ tịch, thay mặt UBND thành phố P Y. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định người bị kiện là UBND thành phố P Y là đúng quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Ông H yêu cầu đưa cá nhân ông Đào Anh D tham gia tố tụng với tư cách người bị kiện là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 638/QĐ-UBND, ngày 04/4/2019 của UBND thành phố P Y v/v cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cho ông Nguyễn Duy H là đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính là đúng.

[4] Ngày 27/02/2020, Ông Nguyễn Duy H có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân thành phố P Y yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND thành phố P Y. Ngày 09 tháng 3 năm 2020 Tòa án nhân dân thành phố P Y ra Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 01/2020/TB-TA với lý do không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện là không đúng quy định. Trường hợp này phải chuyển đơn đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 121 Luật Tố tụng hành chính. Do vậy, mặc dù ngày 09 tháng 5 năm 2020 ông H gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thông qua dịch vụ bưu chính, và ngày 30 tháng 7 năm 2020 ông H có đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung đơn. Nhưng ông H không phải chịu trách nhiệm trong việc chậm nộp đơn khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền, nên phải tính ngày 27/02/2020 là ngày ông Nguyễn Duy H khởi kiện, do vậy, đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc theo Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[5] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Duy H về việc yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND thành phố P Y v/v cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cho ông H. Hội đồng xét xử thấy:

[6] *Về thẩm quyền*: UBND thành phố P Y căn cứ khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013 và Luật tổ chức chính quyền địa phương ban hành quyết định trên là đúng thẩm quyền.

[7] *Về nguồn gốc, quá trình cấp đất và căn cứ cấp đất*: Căn cứ lời trình bày của ông H, ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố P Y và các tài liệu có trong hồ sơ có đủ căn cứ xác định ông H có được thửa đất 183,1m², thửa đất số 92, tờ bản đồ số 34 là từ việc đổi 50m² diện tích đất cũ của gia đình ông H với Ủy ban nhân xã C M và Hợp tác xã Đức Cung. Khi đổi là đổi sang đất ruộng, việc này ông H và Ủy ban các cấp xác nhận (BL51). Thửa đất cũ của ông H mặc dù ông cho anh C (con ông) vẫn là đất của gia đình ông H từ trước, đất này đã được cấp đủ hạn mức đất ở cho anh C là 300m² còn lại là đất vườn. Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 34, diện tích 183,1m² ông H chưa có tên trong sổ sách quản lý đất đai của địa phương mà thể hiện đất do Ủy ban xã quản lý; thửa đất từ trước đến khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H chưa có công trình xây dựng, chỉ trồng cây ăn quả (theo biên bản kiểm tra của Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh P Y).

[8] Khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013 quy định: “*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại điều 100 của luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01/7/2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất...thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...*”.

[9] Khoản 1, 2 Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định: “*Trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền đã được sử dụng trước ngày 15/10/1993 không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch thì...được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... theo quy định tại điều 20 của Nghị định này. Theo đó nếu trên diện tích có nhà ... thì công nhận đất ở phù hợp hạn mức...phần vượt quá theo quy định cụ thể*”.

[10] Điều 11 Luật đất đai 2013 quy định về căn cứ xác định loại đất và khoản 1 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Điều 2 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau: “*Điều 3: Xác định loại đất*

1. Trường hợp đang sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật đất đai thì loại đất được xác định như sau:

a) Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng;”

[11] Như vậy, thửa đất có diện tích 183,1m², thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 34, ông H xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ông H sử dụng từ năm 1983 ổn định, không có tranh chấp, không có giấy tờ, phù hợp với quy hoạch, trên đất trồng cây ăn quả. Căn cứ các quy định nêu trên, thửa đất đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, loại đất được xác định theo hiện trạng là đất trồng cây lâu năm và ông H chỉ phải nộp lệ phí trước bạ, không phải nộp tiền sử dụng đất. Do vậy, Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND thành phố P Y v/v cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cho ông H với diện tích 183,1m² tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 34, mục đích sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm là đúng quy định.

[12] Từ các phân tích nêu trên, xét thấy ông H yêu cầu hủy Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND thành phố P Y là không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông H về nội dung này là có căn cứ, đúng quy định. Ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới, do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H.

[13] Xét yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên hủy Quyết định 638/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND thành phố P Y như sau: hoàn trả cho ông 5.400.000đồng tiền sử dụng đất để chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ 100m² đất trồng cây lâu năm sang đất ở; hoàn trả và khôi phục lại tiêu chuẩn hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở theo quy định tại Quyết định 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 và Quyết định 118-TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ. Hội đồng xét xử xét thấy:

[14] Ngày 23 tháng 9 năm 2019, ông Nguyễn Duy H có đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở đối với diện tích 100m² trong tổng diện tích 183,1m², thửa đất số 92, tờ bản đồ số 34. Ngày 23 tháng 10 năm 2019 Ủy ban nhân dân thành phố P Y ban hành Quyết định số 1728 về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở cho ông Nguyễn Duy H với diện tích 100m², thời hạn sử dụng lâu dài, thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 34, diện tích 183,1m² đất trồng cây lâu năm.

[15] Ngày 29 tháng 11 năm 2019, Ủy ban nhân dân thành phố P Y ban hành Quyết định số 1991/QĐ-UBND về việc giảm tiền sử dụng đất của ông Nguyễn Duy H, chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở, nộp tiền sử dụng đất bằng 100% mức chênh lệch giá đất ở với giá đất trồng cây lâu năm tại vị trí xin chuyển mục đích theo bảng giá đất quy định của UBND tỉnh Vĩnh Phúc (trên cơ sở đơn của gia đình ông Nguyễn Duy H và ông H được miễn giảm 90% tiền sử dụng đất vì là bệnh binh, tỷ lệ suy giảm sức khỏe 61%), theo đó ông H phải nộp 10% là 5.400.000đồng tiền sử dụng đất để chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ 100m² đất trồng cây lâu năm sang đất ở.

[16] Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc đã thực hiện thủ tục hành chính đăng ký biến động đất đai và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Duy H theo điểm a, b khoản 3 Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013; điểm b khoản 2 Điều 17 Thông tư 23 quy định các trường hợp đăng ký biến động được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm: "...b. Chuyển mục đích sử dụng một phần đất được cơ quan có thẩm quyền cho phép..."; thành phần hồ sơ đầy đủ theo khoản 1 Điều 10 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. Đã cấp giấy đổi chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 34, diện tích 183,1m² (trong đó gồm 100m² đất ở và 83,1m² đất trồng cây lâu năm) cho ông H.

[17] Như vậy, ông H phải nộp 10% là 5.400.000đồng là tiền để chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ 100m² đất trồng cây lâu năm sang đất ở theo Quyết định số 1728, ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P Y và Quyết định số 1991/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P Y về việc giảm tiền sử dụng đất của ông Nguyễn Duy H. Như nhận định ở phần trên thì Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 được ban hành đúng quy định. Do vậy, ông H yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên hủy Quyết định 638/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND thành phố P Y như sau: hoàn trả cho ông 5.400.000đồng tiền sử dụng đất để chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ 100m² đất trồng cây lâu năm sang đất ở; hoàn trả và khôi phục lại tiêu chuẩn hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở theo quy định tại Quyết định 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 và Quyết định 118-TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ là không có căn cứ chấp nhận. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông H là đúng quy định. Kháng cáo của ông H về nội dung này không có căn cứ chấp nhận.

[18] Xét nội dung kháng cáo ông Nguyễn Duy H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc bồi thường tiền chi phí đi lại cho ông khi tham gia tố tụng do vụ án kéo dài. Hội đồng xét xử thấy, nội dung này không nằm trong phạm vi xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm theo Điều 220 Luật Tố tụng hành chính, nên không xem xét.

[19] Từ các nhận định nêu trên, xét thấy ông Nguyễn Duy H kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[20] Về án phí: Kháng cáo của ông Nguyễn Duy H không được Hội đồng xét xử chấp nhận, Tuy nhiên, ông H là thương binh, là người có công với nước, có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử:

2.1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Duy H. Giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Về án phí: Ông Nguyễn Duy H được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP; HSVA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hoa

